

Bản án số: 610/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Bà Trần Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1155/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trà L - sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: đường C, phường L, quận B, Tp. Hồ Chí Minh (Có mặt)

Bị đơn: Ông Bùi Nam L1 - sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú : lô F chung cư C đường H, Phường N, quận B, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà L trình bày:

Bà và ông Bùi Nam L1 tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 254, quyển số 02/04 ngày 31/12/2004.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Quận Y, quận G và gần đây nhất là tại địa chỉ lô F chung cư C đường H, Phường N, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống với nhau bình thường, từ khi sinh con thì vợ chồng bắt

đầu có những mâu thuẫn, tuy nhiên từ cuối năm 2018 đầu năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều do bất đồng quan điểm về vấn đề tiền bạc, làm ăn kinh tế hai bên không chia sẻ bàn bạc với nhau được, về cách nuôi dạy con cái dẫn đến cãi nhau, gây mất hòa khí trong gia đình. Vợ chồng không còn những điểm chung, sống không hạnh phúc, đã ly thân từ khoảng cuối năm 2019 đến nay, bà L dọn về nhà ba mẹ sống. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà Nguyễn Thị Trà L yêu cầu ly hôn với ông Bùi Nam L1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Gia H, sinh ngày 21/9/2006 và Bùi Thảo M, sinh ngày 20/11/2011, hiện nay 02 trẻ đang do bà L chăm sóc. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có.

Bị đơn ông Bùi Nam L1 trình bày: Quá trình vợ chồng kết hôn và chung sống đúng như bà L trình bày. Vợ chồng chung sống cơ bản là hoà thuận, không có vấn đề gì lớn xảy ra. Từ tháng 8/2019 mâu thuẫn vợ chồng về vấn đề kinh tế hai bên bàn bạc không thống nhất trong việc làm ăn dẫn đến tranh cãi. Từ khoảng tháng 1/2020 bà L dọn đồ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Bản thân ông đã ngồi lại nói chuyện 2-3 lần với bà L để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Nếu bà L cương quyết xin ly hôn thì ông cũng đồng ý, tuy nhiên ông L1 thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn vì ông nghĩ chuyện vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, có thể hàn gắn được.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Gia H, sinh ngày 21/9/2006 và Bùi Thảo M, sinh ngày 20/11/2011. Nếu phải ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Ông L1 khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà L vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Bùi Nam L1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Trà L có đơn xin ly hôn ông Bùi Nam L1, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ngụ tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà L có mặt, Bị đơn ông Bùi Nam L1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 254, quyền số 02/04 do Ủy ban nhân dân phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2004 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo ý kiến trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì giữa hai bên đã có mâu thuẫn tồn tại và đã ly thân từ cuối năm 2019. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, về vấn đề tiền bạc, làm ăn kinh tế hai bên không có sự chia sẻ bàn bạc với nhau, về cách nuôi dạy con cái dẫn đến cãi nhau, gây mất hòa khí trong gia đình, mỗi người một cách sống không quan tâm đến nhau. Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ và tôn trọng nhau nhưng giữa bà L và ông L1 đã không hòa hợp, thiếu sự thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Xét ý kiến trình bày của Bị đơn không đồng ý ly hôn vì ông nghĩ chuyện vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, có thể hàn gắn được tuy nhiên phía Bị đơn không đưa ra được phương hướng, cách thức để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng không có mặt thể hiện Bị đơn không tôn trọng giữ gìn mối quan hệ hôn nhân này. Do đó căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.1.2] *Về con chung*: Bà L và ông L1 có 02 con chung tên Bùi Gia H, sinh ngày 21/9/2006 và Bùi Thảo M, sinh ngày 20/11/2011 hiện đang do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nguyên đơn và bị đơn cùng có yêu cầu xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ, không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao 02 trẻ Bùi Gia H, sinh ngày 21/9/2006 và Bùi Thảo M, sinh ngày 20/11/2011 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông L1 do bà L không yêu cầu.

[2.1.3] *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.1.4] *Về nợ chung*: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.2] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh*: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] *Về án phí*: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trà L:

- *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Trà L được ly hôn với ông Bùi Nam L1.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Bùi Gia H, sinh ngày 21/9/2006 và Bùi Thảo M, sinh ngày 20/11/2011 cho bà Nguyễn Thị Trà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông L1 do bà L không yêu cầu.

Ông Bùi Nam L1 được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

- *Về nợ chung*: Hai bên khai không có.

2. *Về án phí*:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà Nguyễn Thị Trà L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà L đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0039473 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND Phường 4, quận Tân Bình, Tp. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm